

Số: 09 /TM-BV

An Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2022

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Kính gửi các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt – TMH – RHM
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị Phương Dung (nhân viên khoa Dược) – 0988487476; Email: phuongdungag88@gmail.com;
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Mắt – TMH – RHM, số 12B Lê Lợi phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Nhận qua email: todauthau.bv3ckag@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến trước 17h ngày 24 tháng 7 năm 2023. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế (Phụ lục đính kèm)
- Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Mắt – TMH – RHM, số 12 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thông tin khác: Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Có; Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, Hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2022, Giá đã bao gồm: Chi phí thiết bị, chi phí nhập khẩu, thuế GTGT, thuế các loại (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc dỡ, các loại thuế theo quy định hiện hành và chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Kính mời nhà thầu quan tâm và đáp ứng yêu cầu trên gửi bảng chào giá đến bệnh viện theo 2 cách:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Mắt – TMH – RHM, số 12B Lê Lợi phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Nhận qua email: todauthau.bv3ckag@gmail.com

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT, Tổ đấu thầu

Mã Lan Thanh

PHỤ LỤC

(Đính kèm thư mời chào giá số 09 /TM-BV ngày 13/7/2023 của Bệnh viện Mắt – TMH - RHM)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất bôi phòng ngừa sâu răng dạng gel	1.23% Sodium Fluoride, chai 250ml	Chai	10
2	Acid dùng trong trám răng	Dung dịch Etchant nhờn màu xanh chứa phosphoric 37% và benzalkonium chloride; dùng để bôi lên bề mặt men răng trước khi đặt vật liệu phục hình; rửa các bề mặt sứ, kim loại và composite trước khi bôi adhesive	Tube	12
3	Ống khí quản đê lưới airway	Chất liệu nhựa tốt dẻo, độ cong thích hợp. Tron láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da	Cái	500
4	Kháng thể đơn dòng Anti A	Độ nhạy và độ đặc hiệu 100%, dùng để thử nhóm máu	Lọ	5
5	Kháng thể đơn dòng Anti B	Độ nhạy và độ đặc hiệu 100%, dùng để thử nhóm máu	Lọ	5
6	Que thử/ Khay thử xét nghiệm virus Viêm gan C	Test xét nghiệm phát hiện sự hiện diện của kháng thể viêm gan C trên mẫu huyết thanh/huyết tương. Thời gian 10 phút. _ Độ nhạy: 99.76 %. Độ đặc hiệu: 99,59 %. Độ chính xác 99.62%. Thành phần : sử dụng kháng nguyên đặc hiệu cộng hợp keo vàng, màng nitrocellulose. _ Dạng strip kích thước 3.5mm. Đóng gói riêng từng test, quy cách đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà SX. _ Bảo quản ở 2-30 độ C. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO, CFS	Test	15.000
7	Bộ xét nghiệm ASO bằng phương pháp latex	Test xác định chỉ số ASO LATEX Slide agglutination bằng phương pháp ngưng kết tìm Anti-Streptolysin O. Độ nhạy phân tích 200IU/mL Độ nhạy: 99,96%, Độ đặc hiệu: 99,91 %. Bảo quản 2 ° C đến 8 ° C. Các chất không ảnh hưởng phản ứng: Hemoglobin (10g/L), bilirubin (20 mg/dL), lipemia (10g/L) và các yếu tố rheumatoid (300 IU/mL). Thành phần _ lọ latex reagent 5 mL - lọ chứng dương 0.5 mL - lọ chứng âm 0.5 mL - 1 Glass slide - 100 Disposable stirrers. Tiêu chuẩn ISO, CFS	Test	400
8	Băng cá nhân	Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. Dệm thấm dịch Máu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kèm không dùng dung môi. Kích thước: 19mm x 72mm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Tiêu Chuẩn: ISO 13485:2016	Miếng	18.000
9	Băng keo lụa 5cm x 5m	Chất liệu: Sản phẩm được chế tạo từ các chất liệu bằng vải lụa, chất dính là hạt keo nóng chảy - Thông thoáng, mềm mại, co giãn theo chuyển động của da - Sản phẩm mềm, mịn, đồng nhất về màu sắc. - Không gây kích ứng da, không sót keo khi tháo băng - Không phát hiện Hàm lượng Amin thơm có nguồn gốc từ thuốc nhuộm azo	Cuộn	260
10	Bao tóc phẫu thuật	Chất liệu: vải PP không dệt, thun đôi 2 sợi, ôm khít vòng đầu. Thoáng khí, thoải mái.	cái	4.000

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
11	Bơm tiêm liền kim dùng một lần	Dung tích: 1ml Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; CE	Ống	2.000
12	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3 ml/cc	Dung tích 3ml, kim 25G; Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; CE	Ống	2.100
13	Bơm tiêm liền kim dùng một lần	Dung tích: 5ml, kim 23G; Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; CE	Cái	25.000
14	Bơm tiêm liền kim dùng một lần	Dung tích: 5ml, kim 25G; Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; CE	Ống	13.200
15	Bơm tiêm liền kim dùng một lần	Dung tích: 10ml, kim 25Gx1 Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; CE	Cái	4.300
16	Keo dán vật liệu trám răng	Keo dán hóa học vững chắc với ngà và men. Có thể làm ngưng dịch luân chuyển vào ống ngà và ngăn chặn sự ê buốt, nhạy cảm	Lọ	10
17	Bóng giúp thở	Dung tích: 1 lít Nguyên liệu Polypropylen đuôi mở hoặc đuôi đóng tùy loại, ISO 13485, CE	Cái	5
18	Bóng giúp thở	Dung tích: 2 lít Nguyên liệu Polypropylen đuôi mở hoặc đuôi đóng tùy loại, ISO 13485, CE	Cái	10
19	Bóng giúp thở	Dung tích: 3 lít Nguyên liệu Polypropylen đuôi mở hoặc đuôi đóng tùy loại; ISO 13485, CE	Cái	10
20	Bông y tế	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước, Quy cách: 1 kg/cuộn Loại: không tiệt trùng	Gram	120.000
21	Chất xúc tác hàn kim loại	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Ở dạng dán đối với các vật hàn	Lọ	1
22	Chỉ co nướu	Có chất co mạch, dùng để cầm máu trước khi lấy dấu răng. Số 2	Lọ	5
23	Chỉ khâu Chromic 3/0	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm; Tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	12
24	Chỉ khâu Chromic 4/0	Chỉ tan tự nhiên catgut chromic. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm. Tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	420

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
25	Chỉ không tan tự nhiên 3/0 có kim	Chỉ silk không tan đa sợi được phủ ngoài bằng silicone Nusil Med 2174. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	1.200
26	Chỉ khâu Silk 4/0	Chỉ không tan tự nhiên số 4/0, chất liệu silk, dài 75cm, kim tam giác 3/8c dài ≥16 mm, kim phủ silicone; Tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	720
27	Chỉ khâu Silk 5/0	Chỉ silk không tan đa sợi được phủ ngoài bằng silicone Nusil Med 2174. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm. Tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	128
28	Chỉ khâu Silk 1/0	Chỉ không tan tự nhiên số 1/0, chất liệu silk, dài 75cm, kim tam giác 3/8c dài ≥16 mm, kim phủ silicone	Tép	20
29	Chỉ khâu Nylon 10/0 + kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6mm; Tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	300
30	Chổi đánh bóng dùng trong nha khoa	Công dụng đánh bóng cao vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác. Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cây	2.016
31	Cọ bôi keo trám đèn (Cọ Composite)	Cọ quét bond dùng trong nha khoa, chất liệu nhựa, chổi đầu nhỏ, Tiêu chuẩn ISO	Hộp	5
32	Côn trám bít ống tủy trong nha khoa	Côn trám bít ống tủy nha khoa	Hộp	30
33	Composite đặc	Composite đặc, quang trùng hợp, màu sắc đa dạng : A2 Dùng trám thẩm mỹ, phục hồi xoang II, Tiêu chuẩn ISO, CE	Tube	10
34	Composit đặc	Composite đặc, quang trùng hợp, màu A4 Dùng trám thẩm mỹ, phục hồi xoang II, Tiêu chuẩn ISO, CE	Tube	10
35	Composite gắn mắc cài quang trùng hợp	Composite quang trùng hợp, dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài sứ, cho phép điều chỉnh vị trí mắc cài, tăng thời gian làm việc, không bị trượt mắc cài, dễ dàng lấy chất gắn dư. Hộp gồm 2 xilanh x 4g + lọ 6ml	Bộ	2
36	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa tự động	*Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kỳ máy xét nghiệm sinh hóa tự động *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định., tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	2
37	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động - Creatinine	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine. Phương pháp : IFCC Sarcosine Oxidase Method. Dãi đo : 10-7000 μmol/L. tiêu chuẩn ISO 13485	ml	216

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
38	Bộ xét nghiệm CRP bằng phương pháp latex	Kiểm tra xác định protein phản ứng C trong mẫu huyết thanh bằng kỹ thuật ngưng kết latex. Đọc kết quả 3 phút Hạt Latex được phủ IgG có nguồn gốc từ dê. Giới hạn phát hiện 6mg/L. Độ nhạy: 99,94 %. Độ đặc hiệu: 99,91 %. Các chất không ảnh hưởng đến xét nghiệm : Hemoglobin (10g/L), bilirubin (20 mg/dL), lipemia(10 g/L) Thành phần : - lọ Latex reagent 5 mL - lọ chứng dương 0.5 mL - lọ chứng âm 0.5 mL - 1 Glass slide - 100 Disposable stirrers Bảo quản ở nhiệt độ từ + 2°C đến 8°C Tiêu chuẩn ISO, CFS.	Test	9.000
39	Cung Inox cố định hàm	Đóng gói gồm 2 nẹp + chỉ thép	Bộ	10
40	Đài đánh bóng răng dùng trong nha khoa	Đánh bóng composite sau khi hàn răng. Làm sạch và đánh bóng bề mặt composite và bề mặt răng sứ, tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	25
41	Dao mổ mắt 15 độ	Dao mổ phụ (Stab Knifes) 15 độ, Chọc tiền phòng trong mổ Phaco, vật liệu: lưỡi thép không gỉ, cán nhựa.	Cây	420
42	Dao 2.2mm-3.2mm (dao mổ phaco)	Dao mổ mắt chính (Clear Corneal Knifes) 2.2mm/2.8mm/3.0mm/3.2mm . Tạo đường hầm trong mổ Phaco, vật liệu: lưỡi thép không gỉ, vát 2 mặt, cán nhựa.	Cây	420
43	Đầu EVAC mổ Amidan và Nạo VA (Coblator)	- Đầu Evac mổ amidan và nạo VA dùng cho máy Coblator II . - Thẳng , có thể uốn cong, chiều dài làm việc là 6 inches (chưa kể phần tay cầm) - Cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút - Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút - Bộ đầu Evac vô khuẩn được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính.	Cái	20
44	Dầu xịt tay khoan	Dung dịch vệ sinh, bôi trơn cho các loại tay khoan dùng trong nha khoa bao gồm tay khoan tốc độ nhanh và tay khoan tốc độ chậm và máy tại khí động lực.	Chai	14
45	Dây Garo	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần.Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rất , đồ đau trong quá trình sử dụng.	Sợi	200
46	Dây hút dịch(nhót) các số	Catheter hút đàm nhớt bao gồm ống dây vật liệu nhựa PVC mềm và co nối có van khóa kiểm soát. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu đối nhau hiệu quả hút dịch và thoát máu cho bệnh nhân. Mã hóa màu co nối khác nhau theo size Các size: 5FG (OD =1.68mm), 6FG (OD=1.98mm), 8FG (OD=2.65mm); 10FG (OD=3.35mm); 12FG (OD=4.00mm); 14FG (OD=4.65mm); 16FG(OD=5.35mm); 18FG (OD=6.00mm). Chiều dài 50cm Vô trùng EO, không latex, không DEHP Tiêu chuẩn ISO	Cái	500

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
47	Dây hút dịch phẫu thuật	Kích thước: dài 2m. Đường kính ống Ø8mm, chất liệu nhựa PVC trắng trong nguyên chất, có hai đầu nối màu xanh, kích thước 38mm.- Đóng gói bằng túi đóng gói tiệt trùng (2 lớp túi)- Tiệt trùng bằng khí EO.- Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Sợi	360
48	Dây hút nhớt Silicon 7x13 mm	Dây hút dịch silicon dùng cho máy hút dịch Chiều dài 2m Chất liệu Silicon Màu trắng	mét	50
49	Dây oxy 2 nhánh	Dây thở oxy hai nhánh, trong suốt, dùng cho người lớn, ngạnh cong. Ống thông mềm, chiều dài $\geq 1.8m$, được làm từ nhựa PVC mềm, không gây kích ứng, không độc hại. Thiết kế "Over-the-ear" giúp đeo dễ dàng và cố định an toàn. Cấu trúc hình sao cho phép dòng oxy liên tục nếu đường ống bị gấp khúc. Ngạnh mũi mềm và linh hoạt. Tiệt trùng bằng khí EO Đóng gói: 1 cái/ bao 96 h, Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015 và GMP-FDA	Sợi	20
50	Dây truyền dịch	Dây dẫn dài $\geq 1500mm$ Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm Chịu được áp lực đến 2 bar Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn Bao bì thân thiện với môi trường theo 94/62/EC Có chứng nhận EN ISO 13485:2016	Sợi	7.000
51	Đĩa đánh bóng composite	Đánh bóng composite hiệu quả không gây hại miềng trám, đảm bảo tính thẩm mỹ cao Có nhiều độ mịn khác nhau Có thể hấp, tái sử dụng	Gói	2
52	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu	Dung dịch ly giải. Thành phần : Surfactant $\leq 0.5\%$, Hepes Buffer $\leq 0.5\%$. WBC-D $\leq 0.2 \times 10^9/L$.	ml	19.000
53	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu	Thành phần : Fluorochrome $\leq 0.01\%$, Ethylene Glycol 94-99% . Chất nền : WBC-D $\leq 0.2 \times 10^9 /L$.	ml	240
54	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu	Dung dịch ly giải. Thành Phần : Surfactant $\leq 0.5\%$, Borate Buffer $\leq 0.5\%$. HGB ≤ 1 g/L	ml	7.000
55	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu	Dung dịch ly giải. Thành phần : Citrate Buffer : $\leq 0.5\%$, Sodium Chloride : 0.10% , Surfactant : 0.10% , WBC-N $\leq 0.2 \times 10^9/L$	ml	18.000
56	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu	Dung dịch ly giải. Thành phần : Fluorochrome : $\leq 0.01\%$, Ethylene Glycol : 94-99 % , WBC-N $\leq 0.2 \times 10^9/L$.	ml	240
57	Dung dịch rửa máy - CLEANSER	Dung dịch rửa máy. Thành phần : Sodium hypochloros $\leq 12\%$ Surfactant $\leq 0.2\%$ Sodium hydroxide $\leq 5\%$	ml	500

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
58	Dung dịch chuẩn máy	Dung dịch chuẩn (control) máy. TCCL: ISO 13485	ml	72
59	Dung dịch nhuộm TTT Tryblue 0.06%, 1ml	Thuốc nhuộm bao Trypan Blue 0.06%, Lọ 1ml. Dung dịch màu xanh chứa trong lọ thủy tinh, tiệt trùng	Lọ	150
60	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Dung dịch pha loãng. Thành phần : Borate Buffer ≤0.5% , Sodium Chloride ≤0.1%.	ml	480.000
61	Dung dịch rửa đậm đặc	*Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì máy xét nghiệm sinh hóa tự động *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	Hộp	5
62	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa	*Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì máy xét nghiệm sinh hóa tự động *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	ml	2.000
63	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa-	Dung dịch rửa máy xét nghiệm sinh hóa. TCCL: ISO 13485	ml	2.000
64	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa-	Dung dịch rửa máy xét nghiệm sinh hóa. TCCL: ISO 13485	ml	2.000
65	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn dùng trong ngoại khoa.	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu .	chai	39
66	Dung dịch khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế mức độ trung bình	Thành phần: 0,053% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,064 % Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,57% Ethanol. Khử khuẩn nhanh các bề mặt Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 13697. Diệt virus (H1N1, Rotavirus...) từ 1 phút.	lít	12
67	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh Chlorhexidine gluconate 0,5%, Alpha-terpineol 0,5 %	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu.	chai	120
68	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Thành phần: 6.5% Didecyldimethyl ammonium chloride, 0.074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 17111 Đạt tiêu chuẩn ISO 15883, EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111	lít	60
69	Vật liệu trám bít ống tủy	Xi măng trám bít ống tủy dạng bột	Hộp	10
70	Vật liệu trám răng	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm, trám tạm trong nha khoa	Lọ	20
71	Xi măng gắn cầu mào	Vật liệu gắn đa năng sử dụng được cho đa dạng các loại phục hình: mào – cầu kim loại hoặc sứ – kim loại và tất cả các loại hình mào, inlay, onlay và cầu răng bằng acrylic/ nhựa	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
72	Vật liệu trám răng	Tăng cường phóng thích fluor dùng để trám răng	Hộp	10
73	Gạc hút nước khổ 0.8m	Nguyên liệu: 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Không có tinh bột hoặc Dextrin. Khổ 0.8m	mét	4.100
74	Giấy cản nha khoa	Giấy cản chuyên dùng ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng thật tự nhiên, các phục hồi răng nhựa hoặc sứ	Xấp	10
75	Giấy điện tim 3 cần	Sản phẩm là loại giấy in nhiệt giúp ghi lại kết quả điện tâm đồ, mặt giấy trơn láng, trắng, khi in thể hiện rõ ràng dễ đọc kết quả. Kích thước 60mm x 30m	Cuộn	200
76	Giấy điện tim 6 cần	Sản phẩm là loại giấy in nhiệt giúp ghi lại kết quả điện tâm đồ, mặt giấy trơn láng, trắng, khi in thể hiện rõ ràng dễ đọc kết quả. - Kích thước: Rộng 10 x Dài 200 (cm)	Cuộn	200
77	Giấy siêu âm	Chất liệu: Polypropylene Kích thước: 110 mm x 20m Độ dày: 85 ± 5 μm. Độ trắng: tối thiểu 88%. Độ bóng: tối thiểu 50%. Trọng lượng cơ bản 60 ± 4 g/m ² ; Mật độ quang tối đa (Dmax): tối thiểu 1.2.	Cuộn	300
78	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động - Glucose	Thuốc thử xét nghiệm Glucose. Phương pháp: Glucose oxidase-Peroxidase (GOD-POD) method Dãi tuyến tính: 0.3-25 mmol/L	ml	3.600
79	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động - ALT/GPT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT. Phương pháp đo: IFCC Method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dãi tuyến tính: 4-1000 U/L	ml	528
80	Que thử/ Khay thử test nhanh xét nghiệm chuẩn đoán miễn dịch	Test chẩn đoán định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2. Độ nhạy 99,87 %. Độ đặc hiệu: 99.94%. Loại strip kích thước 3.5mm. Đo được cho các mẫu bệnh phẩm là Huyết tương/Huyết thanh. Đóng gói riêng từng test, bảo quản ở 2-30 độ C. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO	Test	20.000
81	Kim gai lấy tủy	Kim gai lấy tủy răng (Trắng + đỏ)	Vi	20
82	Kim gây tê nha khoa	- Mũi kim sắc bén cắt giảm thiểu cảm giác đau và khó chịu cho bệnh nhân. - Đốc kim bằng chất liệu PP (Polypropylen), răng khóa xoắn ốc, chắc chắn khi vặn vào ống tiêm. Có hình ảnh mũi tên chỉ báo mặt vát kim. - Kim bằng thép không gỉ, có độ bền cao khó gãy ngay cả khi bệnh nhân vùng vẩy dữ dội. - Được đóng gói riêng biệt từng cái trong vỏ nhựa đảm bảo sự vô trùng. - Cỡ kim 27G (0.40 x 21mm, 0.40 x 30mm). - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	Cây	5.100
83	Kim chích máu (Lancets)	Kim lấy máu bằng thép không gỉ . Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	cái	20.000
84	Kim loại Titan	Kim loại Titan viên dùng trong phục hình răng cố định	gram	100
85	Kim loại thường	Kim loại thường viên dùng trong phục hình răng cố định	gram	1.000
86	Kim luồn tĩnh mạch, có lock, 22G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa. Kim làm bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim phủ silicone đảm xuyên trơn tru hơn. Công tiêm thuốc có van bơm silicone một chiều. Cánh có góc và rãnh để cố định an toàn. Có vạch cảnh quang.	Cây	3.000

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
87	Kim luồn tĩnh mạch, có lock, 24G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa. Kim làm bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim phủ silicone đảm xuyên trơn tru hơn. Công tiêm thuốc có van bơm silicone một chiều. Cánh có góc và rãnh để cố định an toàn. Có vạch cảnh quang.	Cây	250
88	Kim tiêm 18G x 1 1/2"	Thép không gỉ, có đủ độ cứng, đầu kim sắc nhọn.	Cây	4.600
89	Kim tiêm 26G x 1 1/2	Thép không gỉ, có đủ độ cứng, đầu kim sắc nhọn.	Cây	3.200
90	Kim tiêm 26G x 1/2	Thép không gỉ, có đủ độ cứng, đầu kim sắc nhọn.	Cây	300
91	Lọ nước tiểu vô trùng có nắp 50 ml	Lọ đựng nước tiểu. TCCL: ISO; CFS (Hoặc các tiêu chuẩn tương đương).	Lọ	20.000
92	Lò so mở trong chỉnh hình răng	Lò xo Niti mở khoảng cuộn 38cm lực 150gr	cuộn	2
93	Lọc vi khuẩn có công đo CO2 có cơ nối riêng tương thích với các loại máy thở	Bộ phin lọc khí, loại ba chức năng làm ấm, làm ẩm, lọc khuẩn (Heat and moisture exchange filter HMEF) dùng cho người lớn Bộ lọc khuẩn /virut kết hợp trao đổi ẩm với màng lọc Hydrophobic Nonwoven filter 0,5 micromet polypropylene, 1 lớp trao đổi giữ ẩm, giữ nhiệt làm bằng sợi thủy tinh bền với giấy ở độ nén cao, tỷ lệ lọc khuẩn đạt trên 99,999%, có công hút, công đo CO2, phù hợp với kết nối 22mmF-15mmM / 22mmM-15mmF, đóng gói riêng từng cái trong túi tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxyde	Cái	200
94	Lưỡi dao mổ các số 10, 11, 12, 15, 20, 21	Lưỡi dao mổ được làm bằng thép carbon không rỉ, bao gồm các size: 10,11,15,20,21	Cái	3.700
95	Bông cầm máu	Cấu trúc: bông xốp 5*8cm Thành phần: collagen tự nhiên Tan hoàn toàn sau 3- 4 tuần	Miếng	150
96	Mắc cài kim loại chỉnh nha	Bộ mắc cài kim loại, U/L 5x5, hệ MBT hoặc tương đương, khe 0.018inch, Hook răng nanh. Hệ thống mã màu tân tiến, ấn định các màu khác nhau, cho mổ phân tư hàm giúp nhận diện dễ dàng. Mắc cài răng cối nhỏ đặc trưng bởi thiết kế 3 điểm chạm kết hợp với các góc tròn cho sự khít sát hoàn hảo nền răng. Đường kẻ dọc giúp việc gắn mắc cài hình xác. Để mắc cài 80 Gauge. Thép 17.4 không xỉn màu trong quá trình điều trị cho bệnh nhân	bộ	30
97	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn	30mm trong thủ thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 20 x 30 mm. - Thời gian tiêu lên đến 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Cái	10
98	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 15 x 20mm trong thủ thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 15 x 20mm. - Thời gian tiêu lên đến 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Cái	20
99	Màng xương không tiêu 25x30mm	Màng không tiêu làm từ PTFE, kích thước 24x30mm. 1 cái/ gói	Cái	15
100	Mask thanh quản các cỡ	Trên thân ống có in rõ ràng đầy đủ các thông tin size cỡ, thể tích bơm bóng, khối lượng, số lần sử dụng	cái	10

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
101	Miếng cầm máu mũi	Được làm bằng chất liệu Hydroxylated Poly-Vinyl Acetate được ép chặt và đông khô. Có tác dụng ngăn máu mũi chảy hiệu quả mà không gây đau đớn khi sử dụng. Mỗi gói được nén, đông khô và đóng gói tiệt trùng riêng biệt; kích thước 8x1,5x2cm	Miếng	100
102	Mũi cắt cầu kim loại	Thép không gỉ mạ kim cương. Đường kính đầu mũi khoan 010, chiều dài đầu 3.8mm	Mũi	20
103	Mũi đánh bóng Composite	Chất liệu bằng Silicone, đầu tạo hình đĩa, ly, ngọn lửa	Mũi	15
104	Mũi khoan kim cương nha khoa	Dạng kim cương nhân tạo, dùng cho răng hàm mặt, Mũi khoan kim cương high tròn đủ cỡ, hình búp lửa	Mũi	25
105	Mũi khoan kim cương nha khoa	Dạng kim cương nhân tạo, dùng cho răng hàm mặt, Mũi khoan kim cương high trụ thon đầu (mài cùi)	Mũi	50
106	Mũi khoan kim cương Lowspeed mài sứ các loại (nón, trụ đầu bằng, trụ đầu nhọn, búp lửa)	Thép không gỉ mạ kim cương. Đường kính <=2.0mm	Mũi	20
107	Mũi khoan slow speed	Mũi khoan slow speed	Mũi	10
108	Mũi khoan trụ slow speed	Mũi khoan trụ slow speed	Mũi	80
109	Mũi khoan răng	Mũi khoan tungsten high 1, 2,3,4,5(đầu tròn)	Mũi	80
110	Mũi khoan tungsten lowspeed tròn	Mũi khoan tungsten low speed tròn, dài từ số 1 đến số 9	Mũi	20
111	Thuốc diệt tủy răng	Thuốc diệt tủy răng	chai	5
112	Chất bôi phòng ngừa sâu răng dạng gel	2% sodium Fluoride gel	Chai	5
113	Nhựa nấu loại 1kg (bột 1kg + nước 1 lít)	Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, hàng chuyên dùng trong y tế. Chất liệu nhựa nấu dạng bột màu hồng, hồng nhạt. Nước dùng để pha chung với bột	Cặp	2
114	Nhựa tự cứng loại 1kg (bột 1kg + nước 1 lít)	Bột tự cứng dùng để pha với nước tự cứng, gồm có các màu như trắng, hồng nhạt, hồng đậm. Nước dùng để pha nhựa tự cứng	Cặp	1
115	Dung dịch dùng trong hàn chỉnh nha	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Dung môi dùng với que hàn trong chỉnh nha	chai	1
116	Nước cất	Nước cất vô khuẩn 1 lần. Tiêu chuẩn tinh khiết	Lít	1.170
117	Nước Javel 10%	Tiêu chuẩn công nghiệp, hàm lượng ≥10%	Lít	350
118	Nút đập kim luồn	- Có công tiêm thuốc thiết kế chất liệu mềm, không chứa latex không rò rỉ dịch khi tiêm thuốc - Có đầu Luer lock xoắn rất an toàn sử dụng nhựa PVC trong suốt . - Non DEHP	Cái	2.500
119	Ống hút nước bột nha khoa	Ống hút phẫu thuật bằng nhựa dùng 1 lần	cái	5.000

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
120	Ống nghiệm lấy máu natricitrate	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp cao su. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate ≥ 3.2% kháng đông cho 2ml máu.	Ống	9.000
121	Ống nghiệm lấy máu	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu.	Ống	25.000
122	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa. Kích thước 13 x 75mm Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium cho 2ml máu. Ống nghiệm được đóng trên đế mous	Ống	25.000
123	Ống thông nội khí quản, có bóng, các số	Ống thông nội khí quản cho sử dụng một lần chủ yếu được làm bằng nhựa y tế. Sản phẩm được khử trùng bởi E.O. Ống nội khí quản có bóng sử dụng một lần các số	Cái	600
124	Ống thông khí tai các loại, các cỡ	Kích thước: 2 loại: trẻ em: 0,76mm, người lớn: 1,14mm. Chất liệu Xilicon Ống thông khí màng nhĩ là các mô cấy ghép hình ống nhỏ có sẵn với nhiều loại vật liệu tương thích sinh học khác nhau bao gồm chất đàn hồi silicon, chất dẻo flo, TPE, thép không gỉ và titan. Có nhiều kích cỡ và nhiều chất liệu OTK khác nhau: plasticstic flour, siliconsilicone, TeflonTeflon, polypolyethypolylenelene hay thép không gỉ...với đường kính 0,76mm; 1,14mm; 1,27mmmm được sử dụng tùy theo lứa tuổi và mức độ quánh của dịch.	Cái	50
125	Oxy y tế bình lớn		Bình	60
126	Phim khô Laser 35x43 cm	Phim khô laser kiểu DI-HL, kích thước 35x43 cm. 'Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%. 'Tương thích với máy in phim khô laser Fuji Drypix 6000	Tấm	1.500
127	Phim X-Quang 20x25cm (8x10in)	Phim khô in nhiệt tương thích với máy in phim Drystar 5302 hoặc máy in phim Drypix 2000	Tấm	11.000
128	Răng nhựa 6 cái	Răng nhựa 6 cái răng cửa	Vi	50
129	Răng nhựa 8 cái	Răng nhựa 8 cái răng sau	Vi	50
130	Răng nhựa vi 14 cái dưới	Răng nhựa vi 14 răng dưới	Vi	10
131	Răng nhựa vi 14 cái trên	Răng nhựa vi 14 răng trên	Vi	5
132	Răng nhựa vi 28 cái màu A2	Răng nhựa vi 28 cái màu A2	Vi	3
133	Răng nhựa vi 28 cái màu A3	Răng nhựa vi 28 cái màu A3	Vi	10
134	Răng nhựa vi 28	Răng nhựa vi 28	Vi	15
135	Răng nhựa vi 2 răng cửa trên	Răng nhựa vi 2 răng cửa trên	Vi	25
136	Răng nhựa vi 6 răng cửa trên	Răng nhựa vi 6 răng cửa trên	Vi	25
137	Răng nhựa vi 8 răng sau dưới	Răng nhựa vi 8 răng sau dưới	Vi	10

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
138	Răng nhựa vi 8 răng sau trên	Răng nhựa vi 8 răng sau trên	Vi	15
139	Răng vi 28 cái màu A3.5	Răng vi 28 cái màu A3.5	Vi	8
140	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích điện giải 5 thông số	Thành phần: Standard A: KCl 4.00 mmol/l; NaCl 94.0 mmol/l; Na-acetate 46.0 mmol/l; CaCl ₂ 1.0 mmol/l; Standard B: KCl 8.00 mmol/l; NaCl 58.0 mmol/l; Na-acetate 52.0 mmol/l; CaCl ₂ 2.0 mmol/l; Độ bền: 4 tháng; Độ ổn định: 18 tháng; ISO 13485	Hộp	15
141	Trâm dừa ống tùy các số	Trâm nông dừa ống tùy không đục lỗ Dùng nông dừa ống tùy bằng tay Chất liệu thép không gỉ Mặt cắt hình tam giác Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm, 31mm Độ trơn 2% không đổi Vòng chặn bằng silicone Size: 08, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 15-40	Cây	250
142	Vật chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Cóng phản ứng dùng tương thích với máy sinh hoá Erba XL-180	Cái	100
143	Sáp lá	Sáp lá dùng trong phục hình răng	Miếng	100
144	Sò đánh bóng	Bột đánh bóng cao với với thành phần flouride hỗ trợ ngừa sâu răng	Con	1.000
145	Hóa chất xét nghiệm máy đông máu (CaCl ₂)	Hóa chất sử dụng tương thích với máy đông máu Stago Start 4	ml	450
146	Hóa chất xét nghiệm máy đông máu (PTT)	Hóa chất sử dụng tương thích với máy đông máu Stago Start 4	ml	450
147	Hóa chất xét nghiệm máy đông máu (PT5)	Hóa chất sử dụng tương thích với máy đông máu Stago Start 4	ml	900
148	Sinh phẩm chẩn đoán in vitro định tính phát hiện kháng thể kháng HBsAg trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người	Test kiểm tra kháng thể virus viêm gan B (HBsAg). Sử dụng mẫu Huyết thanh/Huyết tương. _ Độ nhạy 99.89 %. Độ đặc hiệu 99.90 %. Thành phần : khay xét nghiệm, dropper, sử dụng kháng nguyên cộng hợp keo vàng, màng nitrocellulose. _ Dạng cassette kích thước 4.5mm. Đóng gói riêng từng test. _ Ngưỡng phát hiện phát hiện 20 mIU/ml. _ Thời gian đọc mẫu là 10 phút, xác nhận âm tính sau 10-20 phút . _ Bảo quản ở 2-30 độ C. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO, CFS	Test	15.000
149	Que thử nước tiểu sử dụng kết hợp với máy phân tích nước tiểu tự động hoặc đọc kết quả bằng mắt thường	Test thử nước tiểu phân tích 10 thông số Bilirubin, Blood, Glucose, Ketones, Leucocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity/Density, Urobilinogen. Hộp 100 test; Dạng Strip. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn CFS, ISO	Test	20.000
150	Thạch cao cứng gói 1 kg	Chất làm khuôn răng màu vàng	Gói	30
151	Thạch cao cứng gói 1,5 kg	Chất làm khuôn răng màu vàng có độ cứng cao	Gói	6
152	Thạch cao thường	Chất làm khuôn	Gói	30
153	Thun buộc mắc cài các màu	Không có thành phần latex cao su tự nhiên, thiết kế thun với góc gấp 45 độ, buộc thun dễ dàng, không gây đau, ít vướng môi má, ổn định và ít đổi màu. Gói/100 thanh, 10 thun/thanh.	Gói	2

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
154	Thun Chuối màu bạc thừa	Thun chuối, cuộn dài 457cm, không có thành phần Latex cao su tự nhiên, khoảng cách 2 mắt là: 3.6mm	Cuộn	1
155	Thun Chuối màu bạc khít	Thun chuối, cuộn dài 457cm, không có thành phần Latex cao su tự nhiên, khoảng cách 2 mắt là: 2.8mm	Cuộn	1
156	Thun liên hàm các cỡ	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên - Kích thước: nhiều kích cỡ, đường kính là 3.2mm; 4.6mm; 6.4mm; 7.9mm. - Lực kéo : 3 1/2 Oz , 4 Oz, 6 Oz. - Tương đương loại Unitek - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Gói	10
157	Thuốc che tủy	Che tủy sống, che tủy trực tiếp sau khi lấy tủy	Tube	20
158	Thuốc tê bôi	Thuốc tê bôi nướu răng dưới dạng gel Benzocain 20%	Chai	7
159	Hệ thống Cassette dùng cho máy phẫu thuật Phaco	Cassette sử dụng tương thích với máy phẫu thuật Qube/Qube pro	Bộ	300
160	Dung dịch nhầy dùng trong phẫu thuật mắt 2%	Chất nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2% (HPMC 2%): Hydroxypropyl methylcellulose: 2%. - Sodium Chloride: 0.490%. Potassium Chloride: 0.075%. - Calcium Chloride: 0.048%. - Magnesium Chloride Hexahydrate: 0.030%. - Sodium Acetate Trihydrate: 0.39%. - Sodium Citrate Dihydrate: 0.170%. - Nước cất pha tiêm vừa đủ. - Trọng lượng phân tử: 100.000 dalton. - Độ Ph: 6.0-7.8. - Độ nhớt: 6.000 ± 1.000 cst. - Độ thẩm thấu: 285 ± 15 mOsm/kg. - Lọ ≥ 5ml được đóng gói vô trùng	Hộp	600
161	Dung dịch nhầy dùng trong phẫu thuật mắt 1,8%	Dịch nhầy Sodium Hyaluronate 1.8%: Trọng lượng phân tử: 2.9-3.8 million daltons, Độ nhớt: 450.000-750.000 mPa.s, Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm/kg, Độ Ph: 6.8-7.6, Sodium hyaluronate: 18 mg, Sodium Chloride: 8.5 mg, Disodium Hydrogen Phosphate : 0.563 mg, Sodium dihydrogen phosphate: 0.045 mg, Nước pha tiêm vừa đủ, Cái/Ống ≥ 1.5ml	Hộp	2.400
162	Trâm gai màu đỏ	Trâm nội nha	Ví	5
163	Trâm gai màu vàng	Trâm nội nha	Ví	10
164	Trâm gai màu xanh	Trâm nội nha	Ví	5
165	Vaselin hộp	Vaselin cách ly (hàm giá)	gram	500
166	Verni bôi cách ly (hàm giá)	Verni bôi cách ly (hàm giá)	lít	1
167	Ví phân liều 3 ngăn (lớn)	Cấu tạo bằng nhựa mềm dẻo PP không độc hại. Có 3 ngăn để chứa thuốc	Cái	2.500
168	Vòng nhận dạng bệnh nhân	Chất liệu: PVC, Không độc hại, không kích ứng da Đặc điểm: màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu hồng, màu xanh dương - Trên vòng có đục lỗ để điều chỉnh theo kích cỡ tay người đeo. Nút bấm gài là loại không tháo được (gài chết). - Vòng có chỗ ghi thông tin đủ rộng, in sẵn các thông tin: Tên, tuổi, giới tính... Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	Cái	1.100

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
169	Vôi Soda 500mg	Đáp ứng yêu cầu chuyên môn. Tiêu chuẩn công nghiệp	Chai	10
170	Xương khối	Vật liệu xương có nguồn gốc từ xương bò. Vật liệu có cấu trúc và khoáng chất tự nhiên gần giống với xương người. Vật liệu có thêm 10% thành phần collagen Vật liệu có dạng khối, trọng lượng 100mg	Hộp	2
171	Thủy tinh thể nhân tạo cứng	Thủy tinh thể nhân tạo cứng hậu phòng: Chất liệu PMMA. + Thiết kế càng chữ C. + Chỉ số khúc xạ ≥ 1.4 + Đường kính Optic $\geq 5\text{mm}$. Chiều dài $\geq 12.5\text{mm}$ + Dây diop: 0 D - +30.0D.	Cái	1.000
172	Nhộng đặc các màu (Composite)	Nhộng composite dạng đặc, quang trùng hợp, màu sắc: B2 Bleach. Dùng trám thẩm mỹ	Con	10
173	Nhộng đặc các màu (Composite)	Nhộng composite dạng đặc, quang trùng hợp, màu sắc: B3 Bleach. Dùng trám thẩm mỹ	Con	10
174	Nhộng đặc các màu (Composite)	Nhộng composite dạng đặc, quang trùng hợp, màu sắc: D3 Bleach. Dùng trám thẩm mỹ	Con	10
175	Xương nhân tạo dạng hạt	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc - 0.5g ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, huyết răng, nâng xoang - Chất liệu: chiết xuất 100% từ xương heo - Kích thước hạt 0.25 - 1.00 mm - Thời gian tạo xương từ 4 đến 6 tháng - Đóng gói tiệt khuẩn (tiệt khuẩn bằng tia gamma) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp	40
176	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa xét nghiệm chỉ số GOT/AST	Hóa chất xét nghiệm AST. Phương pháp đo: IFCC method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dải tuyến tính: 4-800 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris Buffer: 100 mmol/L - L-aspartate: 300 mmol/L - LDH ≥ 900 U/L - MDH ≥ 600 U/L - NADH: 0.4 mmol/L Hóa chất R2: - α -oxoglutarate: 60 mmol/L - NADH: 0.9 mmol/L; tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ml	352
177	Dung dịch rửa hàng tuần sử dụng cho máy phân tích điện giải	Dung dịch rửa máy hằng tuần sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus - Độ ổn định: 24 tháng - Độ bền trên máy: 12 tháng - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	3
178	Dung dịch kiểm chuẩn sử dụng cho máy phân tích điện giải	Dung dịch QC Solution được sử dụng để kiểm định chất lượng của thiết bị phân tích HumaLyte Plus 5. - Độ ổn định: 24 tháng - Độ bền trên máy: 2 tháng - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương (Lưu ý: Trong trường hợp tương đương nhà thầu phải giải thích lý do tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
179	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa - Urea	Thuốc thử xét nghiệm Urea. Phương pháp : Urease-glutamate Dehydrogenase, UV method. Dãi đo : 1-40 mmol/L. Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Tris buffer 120 mmol/L ADP 750 mmol/L Urease ≥ 40 KU/L GLDH ≥ 0.4 KU/L - Hóa chất R2: NADH 1.2 mmol/L α -Oxoglutarate 25 mmol/L; tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ml	352